

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ NỘI VỤ

Số: 310/SNV-CCHCVTLT  
V/v hướng dẫn chấm điểm  
xác định Chỉ số CCHC của các  
cơ quan, đơn vị năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”,

Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị) về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2020 của cơ quan, đơn vị, như sau:

**1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)**

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính đạt được trong năm 2020, các cơ quan, đơn vị thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm đối với từng TC, TCTP; thu thập và cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng, các số liệu dẫn chứng, minh họa việc tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm nêu tại Phụ lục 1, 2 (gửi kèm theo).

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị (phải do lãnh đạo phê duyệt), gồm các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị;

+ Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu;

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị trong quá trình tự đánh giá, chấm điểm (nếu có).

## 2. Về nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm vào phần mềm

Trên cơ sở báo cáo đã phê duyệt, các cơ quan, đơn vị tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và các tài liệu kiểm chứng, các số liệu dẫn chứng, minh họa, nội dung giải trình vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC (gọi tắt là phần mềm) theo các bước sau:

- Bước 1 (Đăng nhập phần mềm): Các cơ quan, đơn vị đăng nhập vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC tại địa chỉ <http://parindex.tuyenquang.gov.vn> (tài khoản và mật khẩu Sở Nội vụ cung cấp riêng cho từng cơ quan, đơn vị).

- Bước 2 (Nhập dữ liệu kết quả): Các cơ quan, đơn vị tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm các tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP.

- Bước 3 (Rà soát kết quả): Sau khi hoàn thành việc nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các cơ quan, đơn vị rà soát lại, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng TC, TCTP phải trùng khớp với nội dung tại báo cáo đã phê duyệt.

- Bước 4 (Gửi kết quả): Sau khi hoàn tất các bước nêu trên, các cơ quan, đơn vị gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm qua phần mềm bằng việc nhấp chuột vào mục “gửi đi” được hiển thị trên phần mềm .

## 3. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...), các cơ quan, đơn vị bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các cơ quan, đơn vị giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Các tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải là bản chụp của văn bản giấy dưới dạng ảnh (định dạng pdf) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định.

## 4. Về việc cung cấp danh sách đối tượng điều tra phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2020

### 4.1. Đối tượng điều tra

- Lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Lãnh đạo các phòng ban chuyên môn, cơ quan, đơn vị thuộc sở;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thành phố.

4.2. Đề nghị các cơ quan, đơn vị lập danh sách đối tượng điều tra tại Phụ lục 3 (*kèm theo*) gửi Sở Nội vụ chậm nhất **ngày 19 tháng 4 năm 2021** để thực hiện điều tra xã hội học.

### **5. Thời gian thực hiện đánh giá**

Các cơ quan, đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm; phê duyệt báo cáo và hoàn thành việc nhập dữ liệu kết quả vào phần mềm **từ ngày 22 tháng 4 năm 2021 đến 24 giờ ngày 10 tháng 5 năm 2021**. Sau thời hạn quy định, phần mềm sẽ tự động khóa.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của các cơ quan, đơn vị. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ với bà Nguyễn Thị Ngọc, chuyên viên Phòng Cải cách hành chính - Văn thư lưu trữ, Sở Nội vụ theo số điện thoại: 02073 812 229 hoặc 0912 938 487; nếu có vướng mắc trong sử dụng Phần mềm quản lý chấm điểm, liên hệ với bà Khổng Thị Phương Lan, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông theo số điện thoại: 02076 251 844 hoặc 0947 149 777 để kịp thời giải đáp./.

*Noi nhận:* TL

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Thông tin và TT (phối hợp)
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, CCHCVTLT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Bàng Quốc Việt**

**PHỤ LỤC 1**  
**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
*(Kèm theo Công văn số 310/SNV-CCHCVTLT ngày 15/4/2020 của Sở Nội vụ)*

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
1.	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,50}{100\%} \right]</math>. Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là <math>[85\% \times 1,50] / 100\% = 1,275</math> điểm.</li> <li>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch CCHC năm;</li> <li>- Báo cáo CCHC năm;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
2.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	<p>Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm.
3.	TCTP 1.3.1 - Thực hiện kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị trực thuộc	<p>Yêu cầu: Căn cứ kế hoạch kiểm tra của UBND tỉnh, các cơ quan có trách nhiệm triển khai thực hiện tự kiểm tra tại cơ quan mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có triển khai kế hoạch và báo cáo kết quả tự kiểm tra thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không triển khai kế hoạch hoặc không có báo cáo tự kiểm tra thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra của cơ quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả tự kiểm tra của cơ quan.</li> </ul>
4.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số vấn đề phải xử lý (a);</li> <li>+ Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b);</li> <li>+ Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a) * 1 + (c/a) * 0,5</math></li> <li>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra (<math>a = 0</math>) thì điểm đánh giá là 1.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</li> <li>- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
5.	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tuyên truyền qua các kênh truyền thông như: tuyên truyền bằng văn bản; tuyên truyền thông qua các cuộc họp, hội nghị của cơ quan; đăng tải trên trang tin điện tử của cơ quan thì điểm đánh giá là 0,5.</li> <li>- Tổ chức tuyên truyền bằng một trong các hình thức: tọa đàm, tổ chức cuộc thi, sân khấu hóa...thì điểm đánh giá được cộng thêm 0,5.</li> <li>- Nếu không thực hiện công tác tuyên truyền CCHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
6.	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sáng kiến của tập thể hoặc cá nhân trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, được cấp có thẩm quyền công nhận; lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử. Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại cơ quan.</li> <li>- Nếu có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 2; có 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1,5; có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</li> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
7.	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số nhiệm vụ được giao (a);</li> <li>+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ (b);</li> <li>+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ (c).</li> <li>- Trường hợp có nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a)^*2 + (c/a)^*1</math></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của UBND tỉnh v/v báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
8.	TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	<p>Nếu thực hiện đầy đủ 02 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thi hành thi hành pháp luật thì điểm đánh giá là 1, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thì được 0,5 điểm;</li> <li>- Có thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thì được cộng thêm 0,5 điểm;</li> </ul> <p>Nếu hoạt động nào trong 02 hoạt động nêu trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan;</li> <li>- Kế hoạch kiểm tra, quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc văn bản chỉ đạo, triển khai công tác kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
9.	TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định 32/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan;</li> <li>- Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
10.	TCTP 2.2.1 - Thực hiện rà soát, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và một phần trong năm do cơ quan, đơn vị mình tham mưu soạn thảo, trình ban hành hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị mình gửi Sở Tư pháp tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu: Lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và một phần trong năm do cơ quan, đơn vị mình tham mưu soạn thảo, trình ban hành hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị mình gửi Sở Tư pháp tổng hợp.</li> <li>- Nếu trình kịp thời, đúng quy định (trước ngày 05/01) thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Nếu trình không kịp thời hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan;</li> <li>- Văn bản gửi Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và một phần trong năm của cơ quan gửi Sở Tư pháp tổng hợp;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
11.	TCTP 2.2.2 - Thực hiện rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) văn bản QPPL không còn phù hợp và tham mưu trình UBND tỉnh xử lý văn bản QPPL sau rà soát.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu: Lập danh mục tổng số văn bản cần phải rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) văn bản QPPL không còn phù hợp và tham mưu trình UBND tỉnh xử lý văn bản QPPL sau rà soát.</li> <li>- Tính tỷ lệ %, nếu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện rà soát, kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) 100% văn bản QPPL không còn phù hợp thuộc trách nhiệm rà soát; trình UBND tỉnh xử lý 100 % văn bản QPPL sau rà soát thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Thực hiện rà soát, kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) từ 50% đến dưới 100% văn bản QPPL không còn phù hợp thuộc trách nhiệm rà soát;</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan;</li> <li>- Danh mục tổng hợp các văn bản cần phải rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý;</li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>trình UBND tỉnh xử lý từ 50% đến dưới 100 % văn bản QPPL sau rà soát thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện rà soát, kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) dưới 50% văn bản QPPL không còn phù hợp thuộc trách nhiệm rà soát; trình UBND tỉnh xử lý dưới 50 % văn bản QPPL sau rà soát thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm thực hiện rà soát văn bản QPPL nhưng không có văn bản QPPL phải xử lý; không phải tham mưu trình UBND tỉnh xử lý văn bản QPPL sau rà soát thì không chấm điểm nội dung này.</li> </ul>	<p>Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
12.	TCTP 2.3.1 - Xử lý theo thẩm quyền văn bản sai phạm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra đã được xử lý theo thẩm quyền so với tổng số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra (Áp dụng đối với văn bản trái pháp luật do cơ quan, đơn vị ban hành). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã xử lý}) \times 1.00}{100\%}</math></li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm thực hiện tự kiểm tra văn bản nhưng không có văn bản sai phạm phải xử lý thì chấm điểm tối đa. Trường hợp cơ quan, đơn vị ban hành văn bản mà văn bản đó có nội dung trái pháp luật nhưng không được phát hiện qua công tác tự kiểm tra hoặc chậm xử lý theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá đối với tiêu chí là 0 điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan;</li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
13.	TCTP 2.3.2 - Kiến nghị xử lý văn bản QPPL có nội dung sai phạm phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đã kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra (Áp dụng đối với văn bản QPPL do cơ quan, đơn vị tham mưu soạn thảo). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã kiến nghị xử lý}) \times 0.5}{100\%}</math></li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm thực hiện tự kiểm tra văn bản QPPL nhưng không có văn bản sai phạm phải kiến nghị xử lý thì chấm điểm tối đa. Trường hợp cơ quan, đơn vị tham mưu soạn thảo văn bản QPPL mà văn bản đó có nội dung trái pháp luật nhưng không được phát hiện qua công tác tự kiểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan;</li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		tra hoặc chậm tham mưu xử lý theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá đối với tiêu chí là 0 điểm.	
14.	TCTP 3.1.1 - Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc trình công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ theo quy định. Nếu 100% hồ sơ trình công bố đầy đủ, kịp thời thì điểm đánh giá là 1,5; nếu đạt từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp trong năm cơ quan không phải thực hiện nội dung này thì không đánh giá.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Các Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
15.	TCTP 3.1.2 - Công khai TTHC	<p>Việc thực hiện công khai TTHC thuộc thẩm quyền phải được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng các hình thức sau: Hình thức niêm yết đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (tại Bộ phận Một cửa, nơi giải quyết TTHC) và hình thức điện tử đối với TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước (gồm 04 phương thức: trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; trên công thông tin điện tử của tỉnh; trên cổng dịch vụ công quốc gia; trên cổng dịch vụ công của tỉnh) thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng hình thức niêm yết và có thực hiện từ 01 đến 03 phương thức điện tử nêu trên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng 01 (một) hình thức nêu trên thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Cung cấp đường link trên Trang thông tin điện tử của cơ quan tới Cổng thông tin điện tử của tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
16.	TCTP 3.1.3 - Quy trình nội bộ giải quyết TTHC	<p>Yêu cầu: Trình ban hành quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của cơ quan theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% hồ sơ trình công bố đầy đủ, kịp thời thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu đạt từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Trường hợp trong năm cơ quan không phải thực hiện nội dung này thì không đánh giá.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Các Quyết định công bố quy trình nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
17.	TCTP 3.1.4 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% TTHC đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu không đạt tỷ lệ 100% TTHC đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Cổng dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
18.	TC 3.2 - Mức độ thực hiện rà soát và kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý	<p>Các cơ quan phải thực hiện rà soát và kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có báo cáo kết quả rà soát và kiến nghị phương án đơn giản hóa được UBND tỉnh phê duyệt thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Có báo cáo kết quả rà soát nhưng kiến nghị phương án đơn giản hóa không được UBND tỉnh phê duyệt thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Có báo cáo kết quả rà soát nhưng không kiến nghị phương án đơn giản hóa thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Không thực hiện rà soát thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa của cơ quan;</li> <li>- Kết quả rà soát, kiến nghị đơn giản hóa của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
19.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được cập nhật trên Cổng dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được cập nhật trên Cổng dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh đạt 100% thì điểm đánh giá là 1,5;</li> <li>- Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Cổng dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
20.	TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết theo hình thức	<p>Yêu cầu: Thông kê danh mục TTHC thuộc thẩm quyền do cơ quan chủ trì giải quyết nhưng cần có sự phối hợp với một hoặc một số cơ quan liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ % giữa số TTHC đã thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông so với</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Danh mục TTHC/nhóm TTHC</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	liên thông (cùng cấp hoặc giữa các cấp chính quyền) đúng quy định	tổng số TTHC phải thực hiện cơ chế một cửa liên thông đạt 100% theo đúng quy định thì điểm đánh giá là 1,5; - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. - Cơ quan theo quy định không có TTHC liên thông thì không thực hiện đánh giá nội dung này.	được giải quyết theo hình thức liên thông và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
21.	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Tính tỷ lệ % số hồ sơ TTHC đã được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 95 % - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%}$ ; - Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
22.	TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Yêu cầu: Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan đề nghị có giải trình cụ thể cho từng trường hợp. - Thực hiện đầy đủ và đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp cơ quan, đơn vị không có thì để điểm tối đa.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
23.	TCTP 3.4.3 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	- Từ 80% - 100% được đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 80% được đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.	- Kết quả công khai trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
24.	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ	- Thống kê: + Tổng số PAKN phải trả lời (a);	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	+ Số PAKN đã được trả lời (b); + Số PAKN đang trả lời (c). - Trường hợp có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0,5$ - Trường hợp không có PAKN phải trả lời ( $a = 0$ ) thì điểm đánh giá là 1.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
25.	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của các nhân, tổ chức đối với quy định TTHC	- Nếu 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 1; - Nếu dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - Kiểm tra trực tiếp trên website; - TLKC khác (nếu có).
26.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc	Cơ quan phải thực hiện xây dựng đề án và sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc theo đúng Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. - Nếu thực hiện đảm bảo đúng quy định, đúng tiến độ theo kế hoạch thì điểm đánh giá là 2; - Không đảm bảo theo quy định, tiến độ thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 18, 19; - Đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị; - Quyết định chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
27.	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại cơ quan	Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định mới tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP, Nghị định 107/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ và của tỉnh; cơ quan phải thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Việc tính điểm dựa trên tính hợp lý giữa số lượng lãnh đạo, quản lý với số lượng công chức không giữ vị trí lãnh đạo quản lý. Cụ thể là: Số lượng lãnh đạo quản lý của phòng thuộc sở và tương đương phải ít hơn so với số lượng	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo khác có thống kê về số lượng lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>công chức không giữ vị trí lãnh đạo quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
28.	4.1.3 - Tỷ lệ giám đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trực thuộc so với năm 2015	<p>Thống kê tổng số đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trực thuộc trong năm 2015 và tổng số đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trong năm đánh giá. Nếu tỷ lệ % số đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trực thuộc trong năm đánh giá giảm so với năm 2015:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 10% thì điểm đánh giá tính theo công thức</li> </ul> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ giám đầu mối bên trong ĐVSN} \times 1.00}{10\%} \right]$ <p>Cơ quan không có ĐVSNCL trực thuộc thì không đánh giá nội dung này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan trong năm đánh giá;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
29.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	<p>Báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu sử dụng đúng quy định biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</li> <li>- Quyết định giao biên chế công chức hành chính của năm đánh giá;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
30.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	<p>Thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu sử dụng đúng quy định về số lượng người làm việc trong ĐVSNCL thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Cơ quan không có ĐVSNCL trực thuộc thì không đánh giá nội dung này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
31.	TCTP 4.2.3 - Thực hiện tinh giản biên chế hành chính, số lượng người làm việc theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>Yêu cầu: Thông kê tổng số biên chế hành chính, số lượng người làm việc của cơ quan được giao trong năm 2015; Thông kê tổng số biên chế hành chính, số lượng người làm việc của cơ quan được giao trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc của cơ quan trong năm đánh giá so với tổng số biên chế hành chính, số lượng người làm việc của cơ quan được giao trong năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu đạt tỷ lệ từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 10% thì điểm đánh giá tính theo công thức</li> </ul> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế, số lượng người làm việc}}{10\%} \right]$	<p>cấp);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo thống kê kết quả thực hiện tinh giản biên chế;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
32.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành	<p>Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng và đầy đủ thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo tình hình thực hiện các quy định về phân cấp;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
33.	TCTP 4.3.2 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hằng năm đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước được phân cấp theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành.	<p>Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hằng năm đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước được phân cấp theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có thực hiện thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
34.	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm ...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra;</li> <li>- Các văn bản chứng minh xử lý các vấn đề phát hiện;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		đánh giá là 0.	
35.	TC 4.4 - Thực hiện tự đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm của cơ quan thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>Trong năm thực hiện tự đánh giá, xếp loại hàng năm của cơ quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định việc tự đánh giá, xếp loại hàng năm đối với cơ quan thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đảm bảo đúng tiến độ theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại năm của cơ quan;</li> <li>- Các văn bản kèm theo hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền đánh giá đảm bảo đúng thời gian quy định;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
36.	TC 5.1- Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm (VTVL)	<p>Cơ quan phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm; bố trí viên chức theo đúng danh mục vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc thống kê số lượng công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm;</li> <li>- Gửi bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm; bố trí viên chức theo đúng danh mục vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
37.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng, tiếp nhận công chức	<p>Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản liên quan đến tuyển dụng, tiếp nhận công chức (trình tự, thủ tục, thời gian quy định ...);</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
38.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	<p>Việc tuyển dụng viên chức tại đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Trường hợp cơ quan không có ĐVSNCL hoặc có ĐVSNCL trực thuộc nhưng trong năm đánh giá không có chỉ tiêu để tuyển dụng, tiếp nhận thì không thực hiện đánh giá nội dung này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> <li>- Các văn bản liên quan đến tuyển dụng, tiếp nhận viên chức (trình tự, thủ tục, thời gian quy định ...);</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
39.	TC 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại cơ quan	<p>Thông kê danh sách số lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc được bổ nhiệm trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Nếu thực hiện việc bổ nhiệm không đúng quy định điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyết định bổ nhiệm;</li> <li>- Báo cáo thông kê danh sách số lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc được bổ nhiệm trong năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
40.	TCTP 5.4.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	<p>Cơ quan phải thực hiện việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của cơ quan;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
41.	TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<p>Thông kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu trong năm đánh giá, cơ quan không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiếu trách trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật từ khiếu trách trở lên thì</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm;</li> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		điểm đánh giá là 0	của cơ quan có thẩm quyền; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
42.	TC 5.5 - Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm theo kế hoạch	<p>Thông kê số công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của UBND tỉnh trong năm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có thực hiện cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm;</li> <li>- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của cơ quan;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
43.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Trong năm đánh giá, nếu cơ quan không có sai phạm về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0,5; nếu có sai phạm về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN thì điểm đánh giá là 0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan;</li> <li>- Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có);</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
44.	TCTP 6.1.2 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách của cơ quan trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2020 thì thông kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2019, 2020).</li> <li>- Điểm đánh giá được tính theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền đã nộp NSNN} \times 0.5}{100\%} \right]</math> </li> <li>- Đôi với cơ quan trong năm không có thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền trong 02 năm gần nhất;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan;</li> <li>- Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thê</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		thì không thực hiện đánh giá nội dung này.	hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị; - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính; - TLKC khác (nếu có).
45.	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	<p>Yêu cầu: Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh. Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 80% số cơ quan, đơn vị đã ban hành thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
46.	TCTP 6.2.2 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	<p>Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu không kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra.
47.	TC 6.3 - Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Trong năm đánh giá, nếu cơ quan thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí quản lý hành chính thì điểm đánh giá là 1; nếu thực hiện không đúng quy định về sử dụng kinh phí quản lý hành chính thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan;</li> <li>- Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có);</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
48.	TCTP 6.4.1 - ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định	Nếu trong năm đánh giá, cơ quan có ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên theo đúng quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 1; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan;</li> <li>- Các văn bản giao tự chủ tài</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	được cấp có thẩm quyền phê duyệt		chính; - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính; - TLKC khác (nếu có).
49.	TCTP 6.4.2 - ĐVSN thực hiện tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Nếu trong năm đánh giá, cơ quan có ĐVSN tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo đúng quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 1; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan; - Các văn bản giao tự chủ tài chính; - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính; - TLKC khác (nếu có).
50.	TCTP 6.4.3 - Thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính trong sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các ĐVSNCL	Trong năm đánh giá, nếu ĐVSN không có sai phạm về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra thì điểm đánh giá là 1; nếu có sai phạm về những nội dung trên, được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan; - Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính; - TLKC khác (nếu có).
51.	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Cơ quan thực hiện đúng các nhiệm vụ được giao theo Quyết định về triển khai thực hiện kiến trúc chính quyền điện tử. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1,5; - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
52.	TCTP 7.1.2 - Triển khai tích hợp, chia sẻ dữ liệu	Cơ quan đã triển khai tích hợp, chia sẻ dữ liệu đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không triển khai thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
53.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của cơ quan với các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) (a);</li> <li>+ Số văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (b);</li> <li>+ Số văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy (c).</li> <li>- Điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a)*1 + (c/a)*0,5</math></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu thống kê trên Hệ thống QLVB tỉnh Tuyên Quang và Trục liên thông văn bản nội bộ tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
54.	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của tỉnh trong năm đánh giá. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 60% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
55.	TCTP 7.1.5 - Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công	Nếu cơ quan thực hiện vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> <li>- Thông kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
56.	TCTP 7.1.6 - Hoạt động của Trang thông tin điện tử	Trang thông tin điện tử của cơ quan phải cập nhật đầy đủ thông tin cần thiết theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Nếu cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 1; không cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0,5; Trang thông tin điện tử không hoạt động thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Đường link trang thông tin điện tử của cơ quan;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
57.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	<p>Thông kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong đó, thông kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50% số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>- Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ} \times 1.0}{50\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
58.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	<p>Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ.</p> <p>Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC nêu trên.</p> <p>Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên.</p> <p>Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5;</li> <li>- Dưới 20% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</li> </ul> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.5}{20\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của cơ quan;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
59.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê danh mục TTHC đang triển khai tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện. Nếu tỷ lệ này đạt:</li> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
60.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ đánh giá đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI.</li> <li>- Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác);</li> <li>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:</li> <li>- Từ 5% trở lên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 5% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê trên Công dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
61.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ đánh giá đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI.</li> <li>- Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong năm của các TTHC nêu trên (cả trả qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác).</li> <li>+ Thống kê số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:</li> <li>+ Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>+ Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê trên Công dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
62.	TC 7.4 - Áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan	<p>Các cơ quan đã triển khai việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 phải đảm bảo thực hiện các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố kịp thời hệ thống QLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo tối thiểu một năm một lần thì được cộng thêm 0,5 điểm;</li> <li>- Kịp thời cập nhật tài liệu, điều chỉnh xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC thì được cộng thêm 0,5 điểm.</li> </ul> <p>Nếu không đáp ứng yêu cầu nội dung nào thì trừ điểm nội dung đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ; Văn bản hoặc biên bản về xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống QLCL;</li> <li>- Văn bản, quyết định về sửa đổi, bổ sung quy trình ISO để cập nhật sự thay đổi của các văn bản pháp</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			<p>luật liên quan, sự thay đổi của TTHC vào hệ thống QLCL (khi có sự thay đổi);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

**PHỤ LỤC 2**  
**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Kèm theo Công văn số 810/SNV-CCHCVTLT ngày 15/4/2021 của Sở Nội vụ)*

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
1.	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.50}{100\%}</math>. Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 80% thì điểm đánh giá là <math>[80\% * 1.50] / 100\% = 1,2</math> điểm.</li> <li>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch CCHC năm;</li> <li>- Báo cáo CCHC năm;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
2.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	<p>Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định thì điểm đánh giá là 1.0;</li> <li>- Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm.
3.	TCTP 1.3.1 - Thực hiện kiểm tra trên địa bàn theo kế hoạch	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra của huyện;</li> <li>- Báo cáo kết quả tự kiểm tra của huyện.</li> </ul>
4.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số vấn đề phải xử lý (a)</li> <li>+ Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b)</li> <li>+ Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c)</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a) * 1 + (c/a) * 0.5</math></li> <li>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</li> <li>- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
5.	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tuyên truyền qua các kênh truyền thông như: tuyên truyền bằng văn bản; tuyên truyền thông qua các cuộc họp, hội nghị của huyện; đăng tải trên trang tin điện tử của cơ quan thì điểm đánh giá là 0,5.</li> <li>- Tổ chức tuyên truyền bằng một trong các hình thức: tọa đàm, tổ chức cuộc thi, sân khấu hóa... thì điểm đánh giá được cộng thêm 0,5.</li> <li>- Nếu không thực hiện nội dung nào trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
6.	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<p>Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: Sáng kiến của tập thể hoặc cá nhân trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, được cấp có thẩm quyền công nhận; lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử. Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại huyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có từ 3 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 3;</li> <li>- Có 2 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Có 1 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không có thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</li> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
7.	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê:</li> <li>+ Tổng số nhiệm vụ được giao (a)</li> <li>+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ (b)</li> <li>+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ (c)</li> <li>- Điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a)*2 + (c/a)*1.5</math></li> <li>- Trường hợp tất cả nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của UBND tỉnh v/v báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
8.	TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	<p>Nếu thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1,5, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thì được 0,5 điểm;</li> <li>- Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thì được cộng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của cấp huyện;</li> <li>- Kế hoạch kiểm tra, quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc văn bản chỉ đạo, triển khai công tác kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>thêm 0.5 điểm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thì được cộng 0.5 điểm;</li> </ul> <p>Nếu hoạt động nào trong 03 hoạt động nêu trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó.</p>	<p>tình hình thi hành pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch hoặc phương án khảo sát; báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
9.	TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<p>Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các huyện xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của cấp huyện;</li> <li>- Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
10.	TCTP 2.2.1- Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	<p>Yêu cầu: Ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu công bố kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu công bố không kịp thời hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 (Đối với cơ quan, đơn vị trong năm không có văn bản QPPL phải công bố hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thì không thực hiện đánh giá nội dung này)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực;</li> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
11.	TCTP 2.2.2 -Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu lập danh mục tổng số văn bản cần phải xử lý sau rà soát:</li> <li>- Thống kê:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	thể văn bản QPPL sau rà soát	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý (a)</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý (b)</li> <li>+ Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành và số văn bản chưa kiến nghị xử lý (c)</li> <li>- Trường hợp có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a)*1,0 + (c/a)*0,5</math></li> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm không có văn bản QPPL phải sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ sau rà soát thì không thực hiện đánh giá nội dung này</li> </ul>	<p>pháp luật của cấp huyện;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
12.	TCTP 2.3.1 - Xử lý theo thẩm quyền văn bản sai phạm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản sai phạm qua đã được xử lý theo thẩm quyền so với tổng số văn bản phát hiện sai phạm qua tự kiểm tra. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức  <math display="block">\frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã xử lý}) \times 0,5}{100\%}</math> </li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm thực hiện tự kiểm tra văn bản nhưng không có văn bản sai phạm phải xử lý thì chấm điểm tối đa. Trường hợp cơ quan, đơn vị ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật nhưng không được phát hiện qua công tác tự kiểm tra thì điểm đánh giá đổi với tiêu chí là 0 điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện;</li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
13.	TCTP 2.3.2 - Kiến nghị xử lý văn bản QPPL có nội dung sai phạm phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đã được kiến nghị xử lý theo thẩm quyền hoặc xử lý theo thẩm quyền so với tổng số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra theo thẩm quyền. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức  <math display="block">\frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã kiến nghị xử lý}) \times 0,5}{100\%}</math> </li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Trường hợp cơ quan, đơn vị trong năm không có văn bản sai phạm phải xử lý thì chấm điểm tối đa. Trường hợp cơ quan, đơn vị ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật nhưng không được phát hiện qua công tác tự kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện;</li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp (do Sở Tư pháp cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		thì điểm đánh giá đối với tiêu chí là 0 điểm.	
14.	TC 2.4 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra (Gồm các văn bản do tinh kiểm tra và kiến nghị xử lý).</li> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý (a)</li> <li>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b)</li> <li>+ Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a) * 1.0 + (c/a)*0.5</math></li> <li>- Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPPL của tinh hoặc báo cáo công tác tư pháp của Sở Tư pháp;</li> <li>- Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
15.	TCTP 3.1.1 - Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và Trang/Cổng thông tin điện tử của huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng các hình thức sau: hình thức niêm yết đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Một cửa và hình thức điện tử đối với TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước trên Trang thông tin điện tử của huyện thì điểm đánh giá là 1,0;</li> <li>- Được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng 01 hình thức nêu trên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Cung cấp đường link trên Trang thông tin điện tử của huyện tới Cổng thông tin điện tử của tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tinh (do Văn phòng UBND tinh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
16.	TCTP 3.1.2 - Tỷ lệ Ủy ban nhân dân cấp xã công khai TTHC đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả	<p>Việc thực hiện công khai TTHC thuộc thẩm quyền phải được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% số UBND cấp xã thực hiện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Nếu từ 85% - dưới 100% số UBND cấp xã thực hiện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu từ 70% - dưới 85% số UBND cấp xã thực hiện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 70% số UBND cấp xã thực hiện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tinh (do Văn phòng UBND tinh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá là 0.	
17.	TCTP 3.1.3 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Công dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu UBND cấp huyện thực hiện công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Nếu 100% UBND cấp xã thực hiện công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0,5;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Công dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
18.	TC 3.2 - Mức độ thực hiện rà soát và kiến nghị đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý	<p>Các huyện phải thực hiện rà soát và kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có báo cáo kết quả rà soát và kiến nghị phương án đơn giản hóa được UBND tỉnh phê duyệt thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Có báo cáo kết quả rà soát nhưng kiến nghị phương án đơn giản hóa không được UBND tỉnh phê duyệt thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Có báo cáo kết quả rà soát nhưng không kiến nghị phương án đơn giản hóa thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Không thực hiện rà soát thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa của huyện;</li> <li>- Kết quả rà soát, kiến nghị đơn giản hóa của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
19.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã được thực hiện trên Công dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh	<p>Thông kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa đạt 100% thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Nếu tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền UBND cấp xã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa đạt 100% thì được cộng thêm 0,5 điểm;</li> <li>- Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Công dịch vụ công (Hệ thống thông tin một cửa điện tử) tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
20.	TCTP 3.3.2 - Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa của huyện theo danh mục được phê duyệt. Tính theo tỷ lệ %:	<p>Thống kê tổng số TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa của huyện theo danh mục được phê duyệt. Tính theo tỷ lệ %:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu từ 80% số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 60% - dưới 80% số TTHC thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 60% số TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Danh mục TTHC/ nhóm TTHC theo ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
21.	TCTP 3.3.3 - Tỷ lệ TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết theo hình thức liên thông (cùng cấp hoặc giữa các cấp chính quyền) đúng quy định	<p>Thống kê danh mục TTHC thuộc thẩm quyền do cơ quan chủ trì giải quyết nhưng cần có sự phối hợp với một hoặc một số cơ quan liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ % giữa số TTHC đã thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông so với tổng số TTHC phải thực hiện cơ chế một cửa liên thông đạt 100% theo đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu tỷ lệ đạt từ 50% đến dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5</li> <li>- Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Danh mục TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
22.	TCTP 3.4.1 -Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<p>Tính tỷ lệ % số hồ sơ TTHC đã được giải quyết đúng hạn tại UBND cấp huyện so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ đạt từ 95% -100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%}</math>;</li> <li>- Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
23.	TCTP 3.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được UBND cấp xã tiếp nhận	<p>Tính tỷ lệ % số hồ sơ TTHC đã được giải quyết đúng hạn tại UBND cấp xã so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	trong năm được giải quyết đúng hạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ đạt từ 95% -100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%} \right]</math>;</li> <li>- Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
24.	TCTP 3.4.3 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp trễ hẹn mà không phải do lỗi của cơ quan thì phải có giải trình cụ thể cụ thể.</li> <li>- Trường hợp cơ quan, đơn vị không có hồ sơ thủ tục hành chính chậm thì để điểm tối đa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC hàng tháng của huyện;</li> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
25.	TCTP 3.4.4- Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% - 100% được đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 80% được đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả công khai trên Công Dịch vụ công của tỉnh;</li> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
26.	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng quy định	<p>Thông kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số PAKN phải trả lời (a)</li> <li>+ Số PAKN đã được trả lời (b)</li> <li>+ Số PAKN đang trả lời (c)</li> <li>- Trường hợp có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math>(b/a) * 1.0 + (c/a) * 0.5</math></li> <li>- Trường hợp không có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá là 1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
27.	TCTP 3.5.2 -Công khai kết quả trả lời PAKN của cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% số PAKN đã trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	- Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp không có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá là 0.5	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
28.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trực thuộc	- Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các Nghị định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh. - Nếu đã triển khai đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Nếu chưa triển khai trong năm đánh giá hoặc triển khai không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
29.	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại UBND cấp huyện	- Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định mới tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP, Nghị định 107/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh. Nếu: + 100% số phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó và có cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo thì điểm đánh giá là 1 + Không thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo khác có thống kê về số lượng lãnh đạo huyện, đơn vị thuộc và trực thuộc; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
30.	TCTP 4.1.3 - Tỷ lệ giảm đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trực thuộc so với năm 2015	Thống kê tổng số đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trực thuộc trong năm 2015 và tổng số đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trong năm đánh giá. Nếu tỷ lệ % số đầu mối bên trong của các ĐVSNCL trực thuộc trong năm đánh giá giảm so với năm 2015: - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 10% thì điểm đánh giá tính theo công thức $\frac{\text{Tỷ lệ giảm đầu mối bên trong ĐVSN} \times 1.00}{10\%}$	- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của huyện trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
31.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	<p>Báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Sử dụng vượt quá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> <li>- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</li> <li>- Quyết định giao biên chế công chức hành chính của năm đánh giá;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
32.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL trực thuộc	<p>Báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Sử dụng vượt quá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo thống kê tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
33.	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế hành chính, số lượng người làm việc so với năm 2015	<p>Thông kê tổng số biên chế hành chính, số lượng người làm việc của huyện được giao trong năm 2015;</p> <p>Thông kê tổng số biên chế hành chính, số lượng người làm việc của huyện được giao trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc của huyện trong năm đánh giá so với tổng số biên chế hành chính, số lượng người làm việc của huyện được giao trong năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 10% thì điểm đánh giá tính theo công thức:</li> </ul> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1.00}{10\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo thống kê kết quả thực hiện tinh giản biên chế;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
34.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành	<p>Báo cáo tình hình thực hiện các quy định về phân cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng và đầy đủ thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo thống kê kết quả kiểm tra, đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
35.	TCTP 4.3.2 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	<p>Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước được phân cấp theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của huyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có thực hiện thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
36.	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra;</li> <li>- Các văn bản chứng minh xử lý các vấn đề phát hiện;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
37.	TCTP 4.4.1 - Thực hiện tự đánh giá, xếp loại hàng năm của UBND cấp huyện	<p>Trong năm thực hiện tự đánh giá, xếp loại hàng năm của UBND cấp huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định về việc tự đánh giá, xếp loại hàng năm đối với UBND cấp huyện và đảm bảo đúng tiến độ theo quy định: 0.5;</li> <li>- Không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ theo quy định: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại năm của UBND huyện;</li> <li>- Các văn bản kèm theo hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền đánh giá đảm bảo đúng thời gian quy định;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
38.	TCTP 4.4.2 - Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng của UBND cấp xã	<p>Trong năm thực hiện đánh giá, xếp loại đối với UBND cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định về việc đánh giá, xếp loại thì điểm đánh giá là: 0.5;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định đánh giá xếp loại đối với Ủy ban nhân dân cấp xã</li> <li>- Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		- Không thực hiện đúng hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá là: 0	(do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
39.	TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	Huyện phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm; bố trí viên chức theo đúng danh mục vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm của huyện hoặc thống kê số lượng công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm; - Gửi bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm; bố trí viên chức theo đúng danh mục vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
40.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng, tiếp nhận công chức	Việc tuyển dụng công chức tại các huyện phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Các văn bản liên quan đến tuyển dụng, tiếp nhận công chức (trình tự, thủ tục, thời gian quy định ...); - TLKC khác (nếu có).
41.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Các văn bản liên quan đến tuyển dụng, tiếp nhận viên chức (trình tự, thủ tục, thời gian quy định ...); - TLKC khác (nếu có).
42.	TC 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính, ĐVSNCL	Thông kê danh sách số lãnh đạo huyện, đơn vị thuộc và trực thuộc huyện được bổ nhiệm trong năm. - Nếu 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc quản lý các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;	- Các quyết định bổ nhiệm; - Báo cáo thống kê danh sách số lãnh đạo huyện, đơn vị thuộc và trực thuộc được bổ nhiệm trong

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		- Thực hiện việc bổ nhiệm không đúng quy định điểm đánh giá là 0	năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
43.	TCTP 5.4.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức theo quy định	Huyện phải thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức theo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của huyện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
44.	TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	- Nếu trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Nếu không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên thì được cộng thêm 1 điểm.  Không đáp ứng yêu cầu nội dung nào thì trừ điểm nội dung đó	- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
45.	TCTP 5.5.1 - Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn	- Thống kê tổng số cán bộ cấp xã, nếu tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã so với tổng số cán bộ cấp xã đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm hoặc báo cáo về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã của huyện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp); - TLKC khác (nếu có).
46.	TCTP 5.5.2 - Tỷ lệ công chức đạt chuẩn	- Thống kê tổng số công chức cấp xã, nếu tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã so với tổng số công chức cấp xã đạt 100% thì điểm đánh giá là 1;	- Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm hoặc báo cáo về số lượng, chất lượng cán

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>bộ, công chức cấp xã của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
47.	TC 5.6 - Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm theo kế hoạch	<p>Thông kê số công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của UBND tỉnh trong năm đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có thực hiện cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm;</li> <li>- Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của huyện;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
48.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	<p>Tính tỷ lệ % giữa số tiền NSNN đã giải ngân so với tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo kế hoạch. Điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của huyện</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có)</li> </ul>
49.	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn NSNN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.5.</li> <li>- Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính hoặc các báo cáo thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí.</li> <li>- Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có).</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính (do Sở Tài chính cung cấp).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
50.	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<p>- Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại huyện trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2020 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2019, 2020).</p> <p>- Điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền đã nộp NSNN} \times 100}{100\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại huyện trong 2 năm gần nhất;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của tỉnh.</li> <li>- Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị.</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính (Kho bạc Nhà nước)</li> </ul>
51.	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	<p>- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối tượng phải ban hành Quy chế gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ cấp huyện trở lên do Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>+ Thống kê các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng phải ban hành Quy chế thuộc phạm vi quản lý</p> <p>+ Thống kê số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đã ban hành Quy chế.</p> <p>Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Dưới 80% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng thống kê danh mục các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng phải ban hành Quy chế thuộc phạm vi quản lý</li> <li>- Bảng thống kê danh mục các Quy chế đã ban hành (nếu rõ tên văn bản, số ký hiệu, cơ quan ban hành và thời gian ban hành).</li> <li>- Gửi đại diện 05 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính.</li> <li>- TLKC khác (nếu có)</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
52.	TCTP 6.2.2 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành (có thể lồng ghép trong các Kế hoạch kiểm tra chung nhưng phải thể hiện rõ nội dung kiểm tra về việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công).</li> <li>- Nếu có kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu không kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra.</li> </ul>
53.	TCTP 6.3.1 - ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	<p>Nếu trong năm đánh giá, huyện có ĐVSN tự đảm bảo chi thường xuyên theo đúng quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 0.5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của huyện;</li> <li>- Các văn bản giao tự chủ tài chính;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
54.	TCTP 6.3.2 - ĐVSN thực hiện tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	<p>Nếu trong năm đánh giá, huyện có ĐVSN tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo đúng quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 0.5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của huyện;</li> <li>- Các văn bản giao tự chủ tài chính;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
55.	TCTP 6.3.3 - Thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên tại các ĐVSNCNCL	<p>Nếu trong năm đánh giá, huyện thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên tại các ĐVSNCNCL.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu không có sai phạm được phát hiện thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Có sai phạm được phát hiện thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
56.	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử theo Quyết định của Ủy	<p>Cơ quan thực hiện đúng các nhiệm vụ được giao theo Quyết định về triển khai thực hiện kiến trúc chính quyền điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1,5;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của huyện;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	ban nhân dân tỉnh	- Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.	quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
57.	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của cơ quan với các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	- Thống kê: + Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) (a); + Số văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (b); + Số văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy (c). - Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 1.0 + (c/a)*0.5$ .	- Số liệu thống kê trên Hệ thống QLVB tỉnh Tuyên Quang và Trục liên thông văn bản nội bộ tỉnh; - Báo cáo kết quả UDCNTT của huyện; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
58.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	- Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của tỉnh trong năm đánh giá. Nếu: + 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 100% điểm đánh giá là 0	- Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông. - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; - TLKC khác (nếu có).
59.	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 3 cấp chính quyền	- Nếu UBND cấp huyện đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu từ 80% - 100% UBND cấp xã đã kết nối thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5 điểm.	- Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
60.	TCTP 7.1.5- Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	<p>Nếu Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông đến UBND huyện và 100% cấp xã thì điểm đánh giá là 1; chưa thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của huyện;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
61.	TCTP 7.1.6 - Hoạt động của Trang thông tin điện tử	<p>Trang thông tin điện tử của huyện phải cập nhật đầy đủ thông tin cần thiết theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu cập nhật thường xuyên, đầy đủ thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Trang thông tin điện tử không hoạt động thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của huyện;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Đường link trang thông tin điện tử của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
62.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	<p>Thông kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tỷ lệ này đạt từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 50% thì điểm đánh giá được tính theo công thức</li> </ul> <p style="text-align: center;"><u>Tỷ lệ % số TTHC mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ x 1.0</u> 50%</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của huyện;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
63.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	<p>Thông kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ.</p> <p>Thông kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC nêu trên.</p> <p>Thông kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên.</p> <p>Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thông). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5.</li> <li>- Dưới 20% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</li> </ul> <p style="text-align: center;"><u>[Tỷ lệ % số hồ sơ x 1.50]</u> 20%</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả UDCNTT của huyện;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
64.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<p>Thông kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Thông kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI.</p> <p>Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông kê trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>định 45/2016/QĐ-TTg;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
65.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<p>Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p> <p>Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên.</p> <p>Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các thủ tục nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 5% trở lên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 5% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên Công dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
66.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<p>Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p> <p>Thống kê tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm (cả trả qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên.</p> <p>Thống kê số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</p> <p>Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm (cả trả qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê trên Công dịch vụ công và Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tỉnh;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
67.	TC 7.4 - Áp dụng, duy trì, cải tiến và tự công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù	<p>UBND cấp huyện đã triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 phải đảm bảo thực hiện các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố kịp thời hệ thống QLCL phù hợp TCVN ISO 9001 để áp dụng tại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá nội</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của UBND cấp huyện	<p>đơn vị thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo tối thiểu một năm một lần thì được cộng thêm 0,5 điểm;</li> <li>- Kịp thời cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC thì được cộng thêm 0,5 điểm.</li> </ul> <p>Nếu không đáp ứng yêu cầu nội dung nào thì trừ điểm nội dung đó.</p>	<p>bộ; Văn bản hoặc biên bản về xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống QLCL;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, quyết định về sửa đổi, bổ sung quy trình ISO để cập nhật sự thay đổi của các văn bản pháp luật liên quan, sự thay đổi của TTHC vào hệ thống QLCL (khi có sự thay đổi).</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
68.	TC 7.5 - Áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của UBND cấp xã	<p>Thông kê tổng số đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn. Tính tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã đã thực hiện áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 60% số đơn vị trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 40% - dưới 60% thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 40% thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố HTQLCL theo TCVN ISO 9001 của UBND cấp xã;</li> <li>- Quyết định ban hành tài liệu thuộc hệ thống QLCL của UBND cấp xã;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp);</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
69.	TC 8.3 - Mức độ thu hút đầu tư trên địa bàn	<p>Thông kê tổng số vốn thu hút đầu tư trên địa bàn huyện trong năm đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tổng số vốn thu hút đầu tư cao hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Bằng với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Thấp hơn năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm đánh giá;</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
			<p>hội của huyện năm trước liền kề;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
70.	TC 8.4 - Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn	<p>Thống kê số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ số doanh nghiệp thành lập mới so với năm trước liền kề. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Tăng từ 10% - dưới 20% thì điểm đánh giá được tính theo công thức</li> </ul> $\frac{\text{Tỷ lệ \% tăng DN thành lập mới} \times 1.00}{20\%}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thấp hơn năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm đánh giá;</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm trước liền kề;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
71.	TC 8.5 - Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Nếu tỷ lệ đóng góp vào vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp trong năm đánh giá tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1; không tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm đánh giá;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
72.	TC 8.6 - Thực hiện thu ngân sách hằng năm của huyện, thành phố theo kế hoạch được UBND tỉnh giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thu ngân sách của huyện trong năm đánh giá vượt chỉ tiêu được giao từ 4% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Vượt chỉ tiêu từ 2% - dưới 4% thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2% thì điểm đánh giá là 0,25;</li> <li>- Không hoàn thành chỉ tiêu được giao thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm đánh giá;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
73.	TC 8.7 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND huyện giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH đạt và vượt thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu từ 90% - dưới 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH đạt và vượt thì điểm đánh giá là 0,5;</li> <li>- Dưới 90% chỉ tiêu phát triển KT-XH đạt và vượt thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm đánh giá;</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>

**PHỤ LỤC 3**  
**LẬP DANH SÁCH ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**  
(Kèm theo Công văn số 310/SNV-CCHCVTLT ngày 15/4/2021 của Sở Nội vụ)

TÊN CƠ QUAN (SỞ/UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ....)

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA**  
**Phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2020**

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Điện thoại liên hệ
1			
2			
3			

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
(Ký, đóng dấu)